



Phần Đáp giảng của Bồ-Tát Giới BẢO-ĐĂNG
 Trưởng ban Hoằng-Pháp / Nghi-lễ / Giáo-lý
PHÁP-HOA PHẬT-TỰ - MẬT-TỊNH ĐẠO-TRÀNG
 1107 E. 32nd St. Tucson, AZ 85713 – Tel : (520) 445-7747
[Web site : www.dharmaflowertemple.org](http://www.dharmaflowertemple.org)



Chí-tâm đánh-lễ :

Nam-mô Việt-Nam Liên-Tông SƯ-TỔ,
 Hoằng-Dương môn TỊNH-ĐỘ,
 Tam Tạng Pháp Sư Đạt giả
 Hòa Thượng **THÍCH TRÍ TỊNH**
 Hiệu HÂN-TỊNH
 Viện Chủ VẠN ĐỨC Tịnh Viện
 Quận Thủ Đức
 Cấp
VẠN LINH TỰ
 (Huyện Tịnh Biên, Tỉnh An-Giang)

Nam mô Bốn Sư THÍCH CA MÂU NI PHẬT.

Kính thưa Quý chư Tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng Ni, cùng tất cả chư Phật tử khắp nơi trong quốc nội và ngoài quốc ngoại.

Chùa PHÁP HOA Tucson, Arizona – Mật Tịnh Đạo Tràng.

Chúng con vô cùng đau đón khi hay tin cố Hòa-Thượng thượng TRÍ hạ TỊNH

Viện chủ VẠN ĐỨC TỰ ở Quận Thủ Đức, tại miền Nam Việt Nam.

Mới vừa viên tịch vào lúc 9 giờ 15 sáng, tại chùa Vạn Đức

(số 502 Tỉnh Lộ 43, P.Tam Phú, Q.Thủ Đức, TP.HCM).

Ngày 28 tháng 03 năm 2014

(Nhằm ngày 28 tháng 02 năm Giáp Ngọ)

Trụ thế: 98 năm; Hạ lạp: 69 năm.

Để tỏ lòng biết ơn và cũng để hiển dương lên phần nào danh đức của một bậc Tôn-sư đáng kính, lại thêm vào đó tư cách của một đồ-tôn đối với Đại Sư Vạn Đức.

Đại Sư thế danh Nguyễn Văn Bình, pháp danh là Thiện-Chánh, pháp tự là Trí Tịnh, đạo hiệu Hân Tịnh, người miền Tây Nam Việt, sinh năm 1917 (*Đinh Tỵ*) ngày 17 tháng 10 (*nhằm ngày 02 tháng 09 Ấl*) tại xã Mỹ An Hưng (*Cái Tàu Thượng*), huyện Châu-Thành, tỉnh Sa-Đéc (*nay là huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp*), vốn dòng dõi gia giáo.

Là con út trong gia đình có sáu anh chị em. Thân phụ Ngài là ông Nguyễn Văn Cân, một nông dân chon chất. Cụ ông qua đời lúc Ngài mới lên ba tuổi. Thân mẫu là bà Nguyễn Thị Truyện, mất lúc Ngài vừa được bảy tuổi. Vì mồ côi cả cha lẫn mẹ quá sớm, nên Ngài ở với người anh thứ ba là ông Nguyễn Văn Đăng (*nay đã qua đời*). Ngài có ba chị gái: thứ hai, thứ năm và thứ sáu. Người thứ tư thì mất sớm.

Lời của Đại sư kể lại :

-"Khoảng 12, 13 tuổi, tôi đã tự mình niệm Phật, Tôi đọc trong Tây phương trực chỉ, thấy có nói hễ niệm được 300 ngàn câu Phật thì được vãng sanh Cực Lạc. Tôi tin mà làm, nhưng vì sao tin thì tôi không biết!.

Tôi lấy quyển sách quảng cáo thuốc của ông anh (anh tôi làm chủ tiệm thuốc Bắc) đem về đặt trên gối ở đầu giường, cứ mở sách ra rồi... niệm Phật! Cứ tính niệm được 100 câu Phật thì lật một tờ. Mọi người tưởng tôi đọc truyện, bởi người ta có in kèm truyện trong sách. Tôi ở nhà mà niệm Phật lén vậy, không ai hay biết.

Lúc tôi biết mến đạo là vào khoảng năm 1928, thời điểm người ta bắt đầu xây dựng Thánh thất Cao Đài ở Tây Ninh. Một số người bà con của tôi cũng ở gần đó, theo Cao Đài, để tóc bới và ăn chay trường. Tôi cũng ăn chay trường một mình ở nhà, thường ăn với nước cơm, nước muối. Bởi hễ thấy thịt cá là tôi nhớ ngay đến cảnh người ta đánh vảy, cắt cổ, làm thịt nên không ăn được".

Đến năm 10 tuổi, Ngài mới vào học lớp năm (*thời đó, lớp năm là lớp một bây giờ*). Ngài rất thông minh, vừa học vừa dạy lại các cháu. Ban đêm còn đọc truyện Tàu cho mọi người nghe.

Đúng 15 tuổi, Ngài học đến lớp đệ thất. Đại sư hết tuổi học trường Pháp Việt, qua cấp

khác thì không đủ điều kiện, nên quyết định học nghề - từ học sửa xe đạp đến học sửa đồng hồ rồi theo người anh làm không công để học thuốc. Nhờ đọc sách thuốc mà Ngài dần dần thông chữ Hán, rồi sang học chữ Nho với người chú và học thuốc Bắc với người anh họ.

Ngài thấy cảnh lục đục của gia đình anh chị nên có ý xuất ly thế tục.

Từ đây, Ngài bắt đầu tìm hiểu đến các tôn giáo như Thiên Chúa, Cao Đài, Thông Thiên Học v.v... và đặc biệt quan tâm đến Phật giáo, vì chủ thuyết của các tôn giáo kia có nhiều điểm mà Ngài không thỏa mãn được.

-“Tôi muốn đi lữ, nhưng cha mẹ không có, tôi đang ở với anh chị nên cũng khó. Tôi lại còn người chị thứ sáu - bây giờ chị vẫn còn sống - hai chị em hủ hỉ có nhau, vui buồn chia sẻ, nếu đi thì bỏ chị lại. Tôi học nghề, nghĩ rằng nếu chị ở vậy thì hai chị em có thể nuôi nhau”.

Ngài không theo Cao Đài vì cảm thấy “không hợp”, dù ngài vẫn thường mượn các sách Thông Thiên Học của mấy thầy cô giáo để đọc.

-“Tôi tin pháp môn niệm Phật, không lúc nào quên đạo Phật, nhưng lại vô chùa không được, vì chùa lúc nào cũng tối om om, tượng thì ông nào cũng đội khăn đỏ trên đầu, chỉ có một đốm sáng nơi lỗ mũi, về nhà thấy muốn nóng lạnh. Ngoài đường thì có một ông thầy đi trước, thàng nhỏ theo sau, đầu đội cái thúng, trong để chuông mõ, tượng Phật và đồ minh khí để đốt. Tôi nghĩ tu hành gì kỳ vậy nên không mến được!”

Từ đó, Ngài âm thầm tập niệm Phật, trì chú và quán pháp Từ bi.

Ngài đến các chùa, đa số thấy quý thầy chú trọng về việc làm đồ mã, tụng kinh cúng bái, đi cúng đám.vv...

Hòa thượng nghĩ rằng, các vị cao Tăng có lẽ ẩn dật nơi non cao núi thẳm, nên có ý hoài vọng các chùa trên núi.

Năm 18 tuổi, Ngài bắt đầu ăn chay trường. Ứng theo điềm chiêm bao, Ngài thấy có một Ông già bảo rằng:

-“Con có căn tu, phải cần tìm thầy học đạo thì sẽ được như trong sách ước”.

Ông già còn bảo thêm rằng :

-“Chừng nào cạp chết, rắn mới về non” (Hòa thượng tuổi Ty).

Năm 1937, lúc Ngài được 21 tuổi, cùng người bạn lên Sài Gòn lập nghiệp, ở chung nhà trọ. Nhà ấy có một người đi chơi ở Tây Ninh về mua được một con cạp con, đem về nuôi được chín, mười ngày thì nó chết.

Ứng điềm chiêm bao, Ngài liền thu xếp tìm đường xuất gia.

Trước đó, tuy đã có ý định xuất thế cho sớm nhưng còn người chị thứ sáu chưa lập gia đình nên không nỡ bỏ đi. Nay bà chị đã yên bề gia thất, Hòa thượng yên tâm ra đi, để lại cho các anh chị mỗi người một lá thư và một tấm hình.

Ngài đi thẳng lên núi Cấm, vì trước đã nghe có nhiều vị chân tu trên núi ấy. Vừa đến chân núi, vì quá vui mừng nên quăng cả giày dép. Ngài nhảy từ tảng đá này qua tảng đá khác và nguyện ghé lại ngôi chùa nào trước thì sẽ xuất gia ở đó, dù chưa biết chùa đó tên gì, trụ trì là ai. Và rồi nhân duyên đưa Ngài đến ngôi chùa Vạn Linh.

Chùa Vạn Linh là một ngôi chùa ở xa và cao nhất.

Ngài vào chùa xin xuất gia. Lúc đó, Hòa thượng trụ trì không có ở trong chùa mà ở thất riêng ngoài bìa rừng, chỉ khi nào có việc thì sau giờ Niệm Phật mời Hòa Thượng trụ-trì vào dạy bảo Tăng chúng ít lời mà thôi.

Hôm ấy là tối 14 tháng 02 năm Đinh Sửu, ngày Sám hối giữa tháng. Sau giờ Sám hối, chúng Tăng ra mời Hòa thượng trụ trì vào. Hòa thượng trụ trì nhìn sững Ngài hồi lâu rồi mới nói với đại chúng rằng :

-"Bây đừng khinh thường thằng này. Đồi trước nó đã làm Hòa thượng, đồi này nó cũng làm Hòa thượng, nhưng vì có tội hay nhìn con gái nên đồi này bị bệnh mất suốt đời".

Thế là hôm sau, Ngài được thế phát vào ngày vía Phật nhập Niết bàn.

Ngài xuất gia năm 1937 với HT.Thích Hồng Xứng tại chùa Vạn Linh (*An Giang*).

Ngài thuộc dòng Lâm Tế Gia Phổ đời thứ 41. Là đệ tử của Cố Hòa Thượng Thiện-Quang, khai sơn chùa Vạn Linh ở núi Cẩm, Châu Đốc.

Sau khi xuất gia, Ngài lãnh việc viết số điệp. Hòa Thượng trụ trì cho Ngài ở cái thất nhỏ trong vườn chùa. Ngoài các việc và thời khóa trong chùa, Ngài ra thất tụng kinh và làm Phật sự trong bốn phận hết sức cần mẫn.

Ngài hành khổ hạnh như nhịn ăn, ít ngủ, đến đôi Hòa Thượng trụ trì phải cảnh cáo. Có lúc đang ăn, vì quá chú tâm đến sự tu tập nên rơi chén lúc nào mà không hay.

Nhận được tạp chí Từ Bi Âm, Ngài khởi ý nguyện học rộng Phật Pháp. Cuối năm 1939, Ngài xin phép Hòa Thượng trụ trì xuống núi về Sài Gòn để tìm học kinh luật.

Về đến Sài Gòn, Ngài cùng thầy Thiện Phước ra núi Thị Vải tìm chỗ thích hợp để cất thất. Sau cùng, tìm được một điểm tương đối tốt gần chùa Tổ (*nay là Linh Sơn Bửu Thiền*).

Trong chùa có cho mượn dụng cụ đốn cây và dẫn nước về. Thời gian đó chưa có ai ở nhiều, nên sơn lâm chướng khí rất nặng. Vì thế, chẳng mấy hôm, Ngài và thầy Thiện Phước đều bị bệnh sốt rét, lên cữ từng cơn. Thấy không kham nổi nên hai người đồng xuống chân núi. Thầy Thiện Phước thì tá túc nơi am của bà Năm, còn Ngài thì tá túc nơi hang đá của bà Bảy.

Vài hôm sau, thầy Thiện Phước tịch.

Ngài bèn về Sài Gòn tá túc ở chùa Tịnh Độ, Gò Vấp. Chùa này do ông Tư Lành làm xếp ga xây dựng lên. Nhà ông ở phía trước, chùa xây phía sau có thỉnh quý thầy để trụ trì.

Đại sư đến bệnh viện Sài Gòn để điều trị nhưng cũng chẳng thuyên giảm. Thấy vậy, Ngài tự nguyện với lòng:

-"Có chết như huynh Thiện Phước cũng chẳng sao".

Thế nên, không quan tâm đến việc trị bệnh nữa mà phát tâm tả kinh Pháp Hoa. Có một Phật tử biết tâm nguyện của Ngài, nên giúp Ngài tìm mua giấy mực.

Đến ngày 14 tháng 10 là tả xong. Đúng hôm ấy, trong khi gởi đến nhà in để đóng lại thành quyển, chưa đem về thì có ông Mười là bốn đạo trong chùa đến nói với Ngài rằng :

-"Tôi biết có ông thầy kia trị bệnh sốt rét hay lắm, để tôi đưa huynh đến đó xem sao!".

Ông bèn lấy xe đạp chở Ngài đến đó.

Ông thầy thuốc không có nhà riêng, ở đậu nhà người ta mà làm thuốc. Sau khi hỏi bệnh trạng và giờ lên cữ, ông nói bệnh nặng lắm vì lên cữ khuya. Ông vào nhà sau, một lúc đem ra

cục thuốc để trên miếng giấy, quan sát thì Ngài biết có ót và tòi đâm chung.

Ông bảo :

-"Trước khi lên cử nửa tiếng, lấy tay mặt vớ ra sau lưng, từ trên cổ lần xuống hết ngón tay giữa chấm chỗ nào thì đó là huyết cao quan, lấy cục thuốc ịn vào đó (cục thuốc được để trên miếng giấy mỏng chừng 3 ngón tay), rồi cứ ngồi ngay ngắn chờ..."

Ngài về làm y như vậy. Nửa tiếng sau khi ịn cục thuốc, cơn sốt rét bắt đầu kéo đến. Như mọi lần, nó bắt đầu từ xương khu quặn lên như con rắn bò, đến cục thuốc nó dừng lại và quặn vòng quanh đó dữ lắm rồi lại ngưng, làm như vậy ba lần rồi ngưng luôn. Từ đó căn bệnh sốt rét dứt hẳn.

Sau khi hết bệnh, Ngài ở lại chùa đó một thời gian ngắn nữa.

Về sau, có người em gái họ đã xuất gia, Pháp danh là Diệu Trí ghé thăm. Cô ấy có khoe với Ngài là được học kinh này kinh nọ và khuyên Ngài nên tìm học. Lúc bấy giờ, chỉ có trường An-Nam Phật Học mở ở chùa Báo-Quốc tại Huế. Trong tâm Ngài khởi ý đi Huế từ đó.

Đầu năm 1940, Ngài về lại Cái Tàu để xin giấy ra Huế học, nhưng chính quyền không cho, bảo Ngài phải ở lại năm bảy tháng mới cấp giấy. Ngài không chờ được nên lên Sài Gòn tìm cơ hội để đi, được một thí chủ là bà Ba Hộ (*chủ đất chùa Vạn Đức*) cúng dường 15 đồng làm lộ phí.

Đúng ra, đi tàu suốt đến Huế thì khỏe hơn, nhưng bấy giờ, Huế thuộc vùng bảo hộ của Pháp, còn miền Nam là thuộc địa, nên ra đây phải có giấy phép thông hành (*như xin Passport ra nước ngoài vậy*).

Vì thế, Ngài phải đi từng chặng. Ngài lên tàu đi Phan Thiết, đến nơi thì đã trưa, Ngài kêu xe kéo đến chùa nào gần cũng được, vì thật sự cũng không biết chùa nào mà đến.

Xe kéo Ngài đến chùa Bình Quang, Ngài vào chùa xin cơm. Chùa dọn cơm xong, lúc sắp ăn thì vị Ni Sư trụ trì nói :

-"Huynh à ! Chư Tăng ở đây đi đường hay ăn cơm là phải mặc áo dài, sao huynh không mặc?".

Ngài làm thinh, trong bụng thầm nghĩ:

-"Cũng muốn mặc lắm nhưng có đâu mà mặc".

Sau này vị Ni Sư đó vẫn còn nhớ chuyện cũ, trong tâm tiếc rằng phải chi lúc ấy cúng dường cho Ngài một hai cái áo dài nào có khó gì, lại còn gieo được phước lành cúng dường bước đầu cho một vị cao Tăng sau này.

Sau khi ăn cơm xong, Ngài lại tiếp tục ra bến xe để đi Bình Định, vì trước khi đi, Ngài có đến tòa soạn báo Từ Bi Âm, gặp Hòa Thượng trụ trì chùa Liên Tôn ở Bình Định, lúc đó là Phó chủ bút, còn Hòa Thượng Bích Liên làm chủ bút.

Ra đến Bình Định, Ngài tìm lại chùa Liên Tôn. Hôm đó, Hòa Thượng trụ trì còn ở Thành phố chưa về. Trong chùa, chỉ có một vị thầy trông coi gọi là thầy Khố. Ít hôm sau, Hòa Thượng trụ trì về, có cả cô Diệu Trí và có thị giả. Ngài bèn xin tạm ở đây tu học.

Hòa Thượng trụ trì nhờ Ngài viết lại Bát Nhã Tâm Kinh mà Hòa Thượng đã giảng và in từng kỳ trong báo Từ Bi Âm, ghép lại thành tập để in ra phổ biến.

Thời gian đó, Hòa Thượng trụ trì có giảng “Cảnh Sách Cú Thích Ký”, chủ yếu là dạy cho cô thị giả, Ngài và cô Diệu Trí cũng theo học. Cô Diệu Trí có nhờ ngoài Bắc thỉnh một số kinh chữ Hán, giúp đỡ cho Ngài có tài liệu để học. Cô Diệu Trí đề nghị Ngài nên ra Huế vào trường học tốt hơn.

Thế nên, Ngài ở đó được ba tháng thì tiếp tục lên đường ra Huế, còn cô Diệu Trí thì về lại Sài Gòn. Lúc đó là tháng 08 năm 1940.

Ra đến Huế, Ngài cũng không biết nên đến chùa nào, mới nhờ mấy người kéo xe. Họ nói ở chùa Tây Thiên có quý thầy ở miền Nam ra. Ngài nhờ họ kéo đến đó. Chùa Tây Thiên là chùa của Hòa Thượng Giác Nhiên (*không phải Hòa Thượng Giác Nhiên của Tịnh xá MDQ ở Cali*), là vị tăng Thống thứ hai của GHPGVNTN.

Ở đó, Ngài gặp Hòa Thượng Thiện Hòa, Thiện Hoa. Hòa Thượng Giác Tâm chùa Duyên Giác ở Bến Tre thì đã ra trường trước. Ở đây cũng có dạy kinh Lăng Nghiêm. Sau buổi học, thầy Giác Tâm bảo Ngài đọc lại phần đã học. Hòa Thượng đọc lại, giảng nghĩa rành rẽ. Thầy Giác Tâm thấy thế mới đề nghị Ngài nên đến trường lớp, vấn đề liên hệ thầy Giác Tâm sẽ lo cho.

Ngài được nhận vào học và được cấp học bổng, vì một thân một mình không ai bảo trợ. Khi Ngài vào học thì lớp đó là năm thứ sáu của Tiểu học (*Sơ cấp Phật học*) còn vài tháng nữa là thi lên Trung học (*Trung cấp Phật học*). Các môn khác thì Hòa thượng học không khó lắm, chỉ có môn Duy Thức là mù tịt không biết gì.

Lúc đó đang dạy Duy Thức Dị Giản sắp hết, Hòa thượng mới mượn tập xem lại từ đầu và dần dần hiểu ra. Sao khi hết quyển cho làm bài kiểm tra với chủ đề là Bát Thức Đồng Dị. Bài đó, Ngài được chấm chín điểm rưỡi, cao nhất lớp.

Việc này đã làm xao động trong chúng. Ngài được Hòa thượng Đốc Giáo để ý.

Đến cuối năm, khi thi lên Trung cấp, học chúng lo ngại nếu Ngài đứng đầu thì mất thể diện những người học lâu. Sau khi thi viết, đến phần khảo hạch miệng.

Bác sĩ Lê Đình Thám phụ trách môn này. Cách thi là lật quyển sách nhằm trang nào thì giải thích trang đó. Vì lật nhằm trang chưa học nên Hòa thượng giải thích chưa được trúng lắm. Giáo sư Lê Đình Thám cười và nói :

-"Chú này đến sau, mà sau này sẽ hữu dụng!".

Chung cuộc, Ngài cũng được đứng hạng thứ bảy.

Đầu năm 1941, Ngài thọ giới Sa-di tại Huế với Đại lão Hòa thượng chùa Quốc Ân. Sau đó, tiếp tục học lên Trung đẳng và tốt nghiệp vào cuối năm 1942.

Đến năm 1945 thì tốt nghiệp Cao đẳng. Cũng năm này, trường An-Nam Phật Học dời vào Tông Lâm Kim Sơn, Ngài được Hội và Ban giám đốc cử làm Giám viện Quản đốc trường.

Kế đó,

Vì nạn đói ở Huế cũng như cả miền Bắc, nhà trường quyết định chuyển học Tăng Sơ đẳng và Trung đẳng khoảng 40 vị vào Nam và giao toàn chúng cho Ngài quản lý.

Đại sư đảm nhiệm nhiếp thủ học chúng, HT. Trí Chiêu đảm nhiệm trọng trách vận động với Hội Phật Học Lương Xuyên tại Trà Vinh, HT. Thiện Hoa đảm nhiệm trọng trách vận động

ngoại hộ với cụ Trương Hoàng Lâu ở Quận Cầu Kè Trà Vinh. Trên đoạn đường di chuyển vào Nam lâm gian nan nguy hiểm vì ảnh hưởng thời cuộc, ngày trốn đêm đi, hết đi xe tới đi bộ, trải nắng dầm mưa suốt hai mươi một ngày mới đến Sài Gòn vào giữa đêm.

Vào đến Nam, đoàn học Tăng tạm ở lại chùa Vĩnh Tràng, Mỹ Tho do thầy Trí Long trụ trì. Thầy Trí Long cũng là một học Tăng trong đoàn. Hòa thượng Thiện Hoa và Hòa thượng Trí Quang trở về Lương Xuyên lo sắp xếp, còn Ngài về chùa Kim Huê, Sa Đéc tạm ở và lo nhập thất.

Ngày 19 tháng 06 năm 1945, Ngài được thọ Đại giới tại Đại Giới Đàn tổ chức tại chùa Long An, Sa Đéc, do Đại lão Hòa thượng chùa Kim Huê làm Hòa thượng đàn đầu.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 phát động, Lương Xuyên Phật Học bị phân tán. Hòa thượng Thiện Hoa về chùa Phật Quang ở Trà Ôn, Cần Thơ do Hòa thượng Thiện Tâm là anh ruột làm trụ trì, xây dựng tạm mái trường. Ngài từ Sa Đéc về Phật Quang, cùng Hòa thượng Thiện Hoa tập hợp các học Tăng lập thành trường Phật Học Phật Quang, khai giảng vào cuối năm. Học Tăng trường Phật Quang phần đông là học viên mới còn tốp cũ phần đông tự phân tán vì quốc biến.

Sau khi Phật Quang học đường làm xong, Đại Sư cùng Hòa Thượng Thiện Hoa và chư Pháp Sư Quảng Minh, Huyền Dung cùng chư liệt vị Phước Cần, Đạt Tôn, Chánh Viên, Huệ Phương, Chánh Đức, Như Mỹ v.v... lớn nhỏ trên dưới bốn mươi vị câu hội. Bấy giờ pháp tịch lại được khai diễn; nhưng thương ôi! Cuộc đời vốn vô thường, có hợp tất chia lìa, không hẹn với người, Phật Quang học đường được khai giảng chưa đầy một năm lại bị gián đoạn bởi hoàn cảnh loạn ly. Đại sư và Pháp Sư Huyền Dung dẫn học chúng về Sài Gòn, Hòa Thượng Thiện Hoa ở lại Phật Quang ẩn dật, chờ thời duyên khôi phục.

Cuối năm 1946, gặp nạn thổ dậy, địa phương không được ổn định. Ngài dời một số học Tăng về tạm ở chùa Vạn Phước, Phú Lâm, Chợ Lớn.

Sau đó, Ngài cùng thầy Huyền Dung xây dựng thành lập Liên Hải Phật Học Trường, quy tụ số học tăng khoảng 70 vị từ khắp các nơi về. Trong đó có Hòa Thượng Đạt Từ ở chùa Thiên Tôn (*Thủ Đức*) đến giúp và giữ chức Giám trường.

Hòa Thượng Quảng Liên và Hòa Thượng Quảng Huệ cũng về hợp tác, thầy Minh Cảnh được xuất gia ở đây.

Ngài đã tổ chức được một Đại giới đàn tại đây và Hòa Thượng Quảng Liên cũng như Hòa Thượng Bửu Huệ được thọ Đại Giới tại giới đàn này.

Đến năm 1950, Ngài có bệnh phải đi dưỡng bệnh ở chùa Linh Sơn, Cổ Tụ (*Vũng Tàu*), nên giao toàn trường cho Hòa Thượng Thiện Hoa vừa ở Bắc về quản lý.

Năm 1951, Hội chùa Linh Sơn thỉnh Ngài làm trụ trì và giao toàn quyền quản lý.

Năm 1952, Giáo Hội Tăng Già Nam Việt được thành lập ở Sài Gòn. Ngài được mời giữ chức Trưởng Ban Giáo Dục và Trưởng Ban Giám Luật.

Kế đó, Giáo Hội Tăng Già toàn quốc được thành lập, Ngài được cử vào các chức vụ như :

-Trưởng Ban Giáo Dục, Ủy viên Phiên Dịch Tam Tạng và Phó Trị Sự Trưởng, vì có quá nhiều trọng trách trong Giáo Hội nên tháng 04 năm 1954, Ngài trao quyền trụ trì chùa Linh Sơn lại cho Thượng Tọa Tịnh Viên, cho đến năm 1995 thì Thượng Tọa Tịnh Viên viên tịch.

Với hoài bão truyền đăng tục diệm, hoằng dương chánh pháp, kiến tạo Già Lam, Ngài được Phật tử cung thỉnh về ngôi chùa cổ kính không người thừa kế trên một vùng đất hoang vu vắng vẻ ít người đi lại, tọa lạc tại ấp Bình Đức, xã Tâm Bình, quận Thủ Đức, phường Tam Phú, quận Thủ Đức, TPHCM.

Nơi đây, Ngài khai sơn tạo dựng Già Lam, lấy tên Đạo Tràng VẠN ĐỨC tọa lạc tại Thủ Đức, tỉnh Gia Định. Ngài trụ tích nơi đây, Phật pháp rất thịnh hành. Lần lần, do uy tín và đạo đức của Ngài, Tăng Ni quy tụ về cất chùa am chung quanh, biến nơi này thành một đạo tràng lớn mà hiện nay, nói đến đạo tràng Vạn Đức ai ai cũng đều biết.

Năm 1955, với chí nguyện hoằng dương Tịnh Độ, hướng dẫn chúng sanh đời mạt pháp, Ngài thành lập CỤC LẠC LIÊN HỮU, khuyến tấn người người niệm Phật, cầu vãng sanh Tịnh Độ. Cục-Lạc Liên-Hữu được Ngài khai hóa đã khơi dậy phong trào tu tập, hành giả tín hướng chỉ quy Tịnh Độ.

Đại sư là bậc hóa chủ bốn liên, Có thể nói ngài là vị Tổ Sư khai nguyên phong trào xương mình chấn hưng Tịnh môn trong tòa nhà Phật Giáo Việt Nam cận đại. Ngài là bậc bác lãm kinh tạng, tinh A Tỳ Đạt Ma, Thiền, Giáo, Luật hay nói một cách đầy đủ, Đại Sư là bậc 'Đạt Giá' quán triệt thánh điển; kiến thức đa văn, quảng bác Nho học. Đại sư lại tinh tường y được Đông Phương

Dịch phẩm của Ngài rất có giá trị, Ngài quý chuộng điều căn bản là dịch đúng nghĩa, chính xác, rõ ràng chon chất, không bóng bẩy, âm vận êm xuôi, để người đọc tụng lưu thông, thâm nhận được nghĩa thú rất rõ ràng, dễ nắm bắt được ý chỉ của kinh.

Năm 1947, Ngài dịch kinh Pháp Hoa ở Liên Hải Phật Học Trường. Sau đó là kinh Tam Bảo, Địa Tạng, Phẩm Phổ Hiền.

Năm 1951, do yêu cầu của Giáo Hội Tăng Già Nam Việt, Ngài dịch Bồ Tát giới để tụng trong ngày Bồ Tát.

Năm 1952, trước tác bộ Đường Về Cực Lạc tại chùa Linh Sơn, Vũng Tàu.

Năm 1964, dịch kinh Hoa Nghiêm ở chùa Vạn Đức, rồi tiếp tục kinh Đại Bát Niết Bàn, Đại Bát Nhã.

Năm 1972, dịch Đại Bửu Tịch, Hán Bộ 01-120.HT Thích Tri Tịnh

Năm 1978, được phép in nên dịch thêm hai tập, Hán Bộ từ 121-150. Văn Thù Văn Bát Nhã, Hán Bộ từ 151-155; Vô Tận Ý Bồ Tát, Hán Bộ từ 156-159; Thập Lục Quán Kinh, Hán Bộ 160. Tất cả ghép chung vào Đại Bảo Tịch để tiện viện xin phép.

Năm 1962, Ngài được bổ nhiệm làm Phó Viện Trưởng Phật Học Viện Trung Phần.

Năm 1964, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất thành lập, Ngài làm Trưởng đoàn Giáo Hội Phật Giáo Tăng Già Việt Nam, được suy cử làm Tổng Vụ Trường Tổng Vụ Tăng Sự.

Năm 1973, làm Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo.

Năm 1978, Ngài được Hòa Thượng Tăng Thống tấn phong giáo phẩm cùng ba vị là : - Hòa Thượng Trí Nghiêm ở Nha Trang, Hòa Thượng Giác Tánh ở chùa Nguyên Thiều, Bình Định và Hòa Thượng Minh Tâm ở Phan Rang.

Huy hiệu bánh xe Pháp Luân 12 cãm của GHPGVNTN là ý kiến của Ngài (Tam chuyển

Pháp Luân Tứ Đế).

Năm 1981, GNPGVN thành lập, Ngài được suy cử làm Phó Chủ Tịch Thường Trực.

Năm 1982, kiêm thêm Trưởng Ban Trị Sự Thành Hội.

Năm 1984, Ngài chính thức được suy cử làm Chủ Tịch Hội Đồng Trị Sự Trung Ương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam.

Năm 1987, kiêm thêm Trưởng Ban Tăng Sự, giao Trưởng Ban Trị Sự Thành Hội cho Hòa Thượng Thiện Hào.

Năm 1992, kiêm thêm Đệ Nhất Phó Pháp Chủ kiêm Giám Luật đến bây giờ.

Đại sư cả đời tận tụy vì Phật Pháp, luôn lấy việc học kinh, tụng kinh, niệm Phật, giảng dạy và phiên dịch kinh điển từ Hán Tạng ra Việt Văn làm chánh hạnh của đời mình.

Tuy tuổi đã hơn 90, nhưng tinh thần Hòa Thượng vẫn sáng suốt. Thân còn khỏe mạnh, tâm chuyên niệm Phật, vì sự lợi tha, cứ vào nửa tháng, Ngài lại truyền giới Bát quan trai cho hàng Phật tử tại gia đến tu học tại chùa Vạn Đức.

Ngài là Đệ nhất Phó Pháp chủ kiêm Giám luật HĐCM; Chủ tịch HĐTS; Trưởng ban Tăng sự T.Ư GHPGVN; viện chủ Chùa Vạn Đức (Q.Thủ Đức, TP.HCM), viện chủ chùa Vạn Linh (huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang).

Tất cả các hàng Phật tử VN, dù là tại gia hay xuất gia, gần cũng như xa, trong quốc nội, hay khắp các nơi, ngoài quốc ngoại đi chẳng nữa, thầy đều thọ nhận một đại ơn cao rộng, thâm sâu không thể nghĩ bàn được, từ ở nơi Ngài.

Bởi vì nhờ vào nơi hạnh nguyện và ân-đức của Ngài, vẫn hằng luôn thương tưởng đến các hàng Phật tử chúng con, cho nên trong suốt hơn nửa thế-kỷ qua, Ngài đã dùng đủ mọi “thiện phương tiện”, dắt-dìu các hàng Tứ chúng tu học...nhờ thế mà ngày hôm nay, hàng Tứ chúng mới có được đầy-đủ kinh pháp đại thừa để tu học.

Riêng cá nhân Bảo Đăng, hồi tưởng lại gần 50 năm về trước, khi mới bước chân vào đường đạo, với pháp môn Tịnh Độ, qua quyển “Đường về Cực Lạc” và bộ kinh “Tam Bảo”, mà Ngài đã phiên dịch trước kia, làm một thắng duyên giúp Bảo Đăng tu tập.

Chính nhờ ở nơi hai bộ Kinh này, làm thiện tri thức, nên đã khiến cho thiện căn về Phật pháp đã vun trồng trong quá khứ, được tiếp nối, phát triển và càng ngày càng thêm bền chắc hơn lên, mãi cho đến bây giờ.

Gần đây nhất, là bộ kinh ĐẠI BẢO TÍCH, mà Ngài đã dày công phiên dịch, đã được ấn tống lưu hành.

Vào đầu năm 1993, Bảo Đăng về thăm lại quê nhà sau 20 năm xa cách.

Đến Chùa Vạn-Đức để đánh lễ một bậc Thạc-dức, chân tu thời nay, trong khi Bảo Đăng hầu, kể cho Ngài nghe về những Phật sự mình đã và đang làm, và tình trạng Phật giáo ở nước ngoài. Khi bàn đến bộ kinh Đại Bảo Tích... Ngài có vẻ dăm-chiều, nhưng sau đó rồi Ngài vui lắm, Ngài nhìn Bảo-Đăng một hồi lâu, đoạn nghiêm trang nói :

-“Bộ Kinh ĐẠI BẢO TÍCH là bộ kinh cuối cùng mà Ta đã dịch xong vào năm 1987, được ấn hành lần đầu tiên, nhưng vì sự sơ-sốt của ban ấn loát Thành Hội Phật giáo, nên làm 50% kinh văn đều sai sót. Ta mò mẫm đọc lại với đôi mắt đã bị lòa, chẳng những không chút hài lòng nào, mà mỗi khi nhớ đến lòng Ta luôn buồn ray-rứt. Suốt bao năm dài trải qua Ta

vẫn mang lòng đợi chờ một người có đại tâm.

Nay Ta rất vui mừng gặp lại con là người mà Ta hằng luôn mong đợi...

Vậy, Ta giao cho con (bản thảo) của bộ Kinh ĐẠI BẢO TÍCH...và đảm nhận lấy phần in ấn".

Bảo Đăng chưa kịp suy-nghĩ hoặc trả lời nhận hay không nhận.

Ngài đã kêu Thầy Hoàng Tất, Thầy Hoàng Tri đem hết bản thảo ra giao cho Bảo-Đăng liền ngay đó.

Sau khi Thầy Hoàng Tất hi-hục khiêng hết bản-thảo ra chất chồng cao như núi. Bảo Đăng nhìn thấy đã toát mồ hôi rồi. Một trọng trách quá lớn đối với một người nữ với 2 bàn tay nhỏ bé, thân xác thì ở Hải ngoại, mà bản thảo thì ở tận quê nhà, tổng cộng số tập viết lại, cả xe ba bánh chở mới hết.

Bảo Đăng cầm lên từng cuốn tập cũ-kỹ đã ngả màu, với những dòng chữ viết thảo của Hòa Thượng rất là khó đọc, lại không tài nào mang về Mỹ hết được.

Bảo Đăng bàn với Thầy Hoàng Tri phụ lo về phần sửa bản in, TT. Thích Thiện Minh và TT. Thích Đồng Bổn lo phần biên tập, còn Bảo-Đăng lo về phần kinh phí. Phải mất hết 3 năm Bộ ĐẠI BẢO TÍCH mới hoàn thành. (Trọn bộ gồm 9 quyển, mỗi quyển dày 700 trang, bìa cứng mạ vàng). Bảo Đăng đã cúng dường mỗi chùa một bộ.

(Kèm theo tờ phụ-chú của Ngài đã viết trong kinh Đại Bảo Tích quyển 1 trang 6)

Sự Hoàn-nguyên của Đại sư là một mất mát vô cùng to lớn cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam trong quốc nội cũng như quốc ngoại và để lại vô vàn nhớ nhung, hương tiếc cho toàn thể Tăng Ni, tín đồ khắp nơi trên thế giới.

Chúng con thành kính cúi lạy trước kim quan và nguyện giác linh Ngài được vãng sanh về ngôi kim đài thượng phẩm nơi miền Tây phương An lạc quốc.

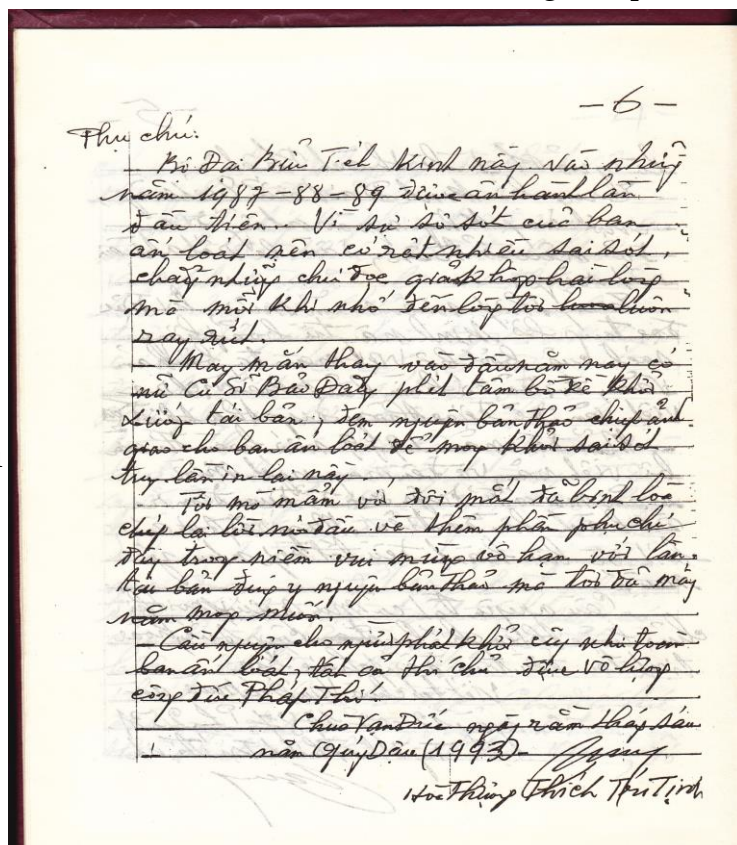
Đại sư là một cao tăng đặc đạo, một nhục thân Bồ Tát, là một Tam Tạng Pháp sư, một vị đại tăng chói rực phần danh đức trong vòm trời Phật giáo Việt Nam là một đại Tôn Sư sáng ngời đạo hạnh.

Đại Sư cực lực hoằng dương TỊNH ĐỘ lòng lấy nhứt của Giáo Hội từ trước đến giờ.

Tất cả dịch phẩm của Ngài rất có giá trị. Ngài quý chuộng căn bản, dịch giải chính xác, rõ ràng mà không hoa dạng, chơn chất mà không quá quê kệch, người đọc tụng có thể thâm nhập kinh tạng, hiểu thấu thâm sâu ý nghĩa của kinh.

Kể từ năm 1948 đến nay, dịch phẩm, tác phẩm của Đại sư phiên dịch và soạn thuật gồm có :

* **Dịch phẩm :**



- Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh
- Địa Tạng Bồ Nguyện Công Đức Kinh
- Tam Bảo Tôn Kinh

(Di Đà - Hồng Danh - Vu Lan - Phổ Môn - Kim Cang)

- Phạm Võng Kinh
- Đại Bát Niết Bàn Kinh
- Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Kinh
- Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh
- Đại Bảo Tích Kinh
- Ngô Tánh Luận (dịch giải và phân đoạn)
- Thiền Tịnh Quyết Nghi
- Văn Sám Nguyện Thập Phương và Thập Đại Nguyện Phổ Hiền (dịch giải)

*** Trước thuật :**

- Pháp Hoa Cương Yếu
- Đường về Cực Lạc
- Văn Phát Nguyện Tu Thập Thiện

Thủ ngoại, Đại sư còn diễn giảng rất nhiều bộ kinh Đại thừa, trình bày chỉ thú pháp tướng, pháp tánh như :

- Pháp Hoa Thông Nghĩa
- Lăng Nghiêm Trục Chỉ
- Viên Giác
- Phật Tổ Tam Kinh
- Kinh Văn Trích Yếu
- Đại Thừa Pháp Uyển Nghĩa Lâm - Duy Thức Chương
- Bát Thức Qui Củ Tụng Thích Luận v.v...

Tóm lại, ngài giảng dạy tinh chi của Duy Thức, Tịnh Độ học, Thiền học v.v... một cách thâm thúy.

Ngoài việc phiên dịch Thánh điển, huân tu tịnh đức chỉ thú Tây phương, ngài còn chủ giảng tại Đạo Tràng Vạn Đức và dạy Phật-pháp tại Cao Đẳng Phật Học viện Huệ Nghiêm, Từ Nghiêm và Vạn Hạnh. Đại Sư là bậc long tượng của thời kỳ mật pháp, bậc luật đức sanh giới thân huệ mạng cho kẻ hậu côn số nhiều vô kể. Nơi nào chư phương Đại Đức, Trưởng Lão kiến đàn hoằng giới đều cung thỉnh ngài vào những ngôi vị tối tôn của Giới Đàn, đặc biệt ở ngôi vị Tuyên Luật Sư, trong đó có các Đại Pháp Tịch Tỳ Ni cận đại như Quảng Đức tổ chức tại Phật học viện Trung phần (Nha Trang), Huệ Quang tại chùa Phật Ân (Mỹ Tho), Khánh Anh tại Bồ Đề (Long Xuyên), Ấn Quang tại chùa Ấn Quang (Sài Gòn), Thiện Hòa tại Ấn Quang (Sài Gòn)...

Ngoài ra về giáo dục, ngài còn đảm nhiệm trách vụ :

- Viện Trưởng Viện Cao Đẳng Phật Học Viện Huệ Nghiêm
- Khoa Trưởng Phật Khoa tại Viện Đại Học Vạn Hạnh.

Trước năm 1975, Đại Sư cùng chư tôn túc kiến lập Pháp Bảo Viện, chỗ phụng thờ và dịch thuật Tam Tạng thánh giáo và là nơi cư trú của chư Tăng, tọa lạc tại Thủ Đức. Chư vị tôn túc ký thác ngài trọng trách Tọa Chủ bốn viện.

Khởi đầu xây dựng được ngôi tháp thờ đức Quán Thế Âm Bồ Tát, công tác đang tiến hành thì tình thế đổi thay.

Tăng cách của ngài không phải nói:

-“Y cứ pháp tạng, nhận xét qua hoạt dụng, kính xưng 'bậc thượng sĩ' quả nhiên thật không quá lời” (lời của Ngô Công Trường Lão thường đề cập về ngài). Thường nhật, Đại Sư hành trì không bỏ sót thời gian, ít ngủ nghỉ, quá Ngọ thời không ăn, thức ăn không quá phần đại chúng; giới hạnh tinh nghiêm, không nói chuyện ngoài sự đàm thuyết điển tịch Phật pháp.

Niệm châu không rời, không sót ngày Bồ Tát và An Cư dù lúc thân thể suy gầy. Có ai hỏi đạo lý thì tùy cơ đối giải. Thân giáo, khẩu giáo nghiêm minh nhưng rất hoan hỷ, lý tánh cùng tận, lắm nhiều thần tích. Tự trung, khách quan mà nhận xét, tất cả tông lâm, tự viện thời cận đại từ trước đến nay, kể cả toàn quốc từ Bắc, Trung, Nam không nơi nào vân tập tứ chúng đông đảo như chốn Lan Nhã của Đại Sư trụ tích.

Kể từ khi ngài khai sơn Đạo Tràng Vạn Đức, tăng tín đồ câu hội về quanh vùng thiết lập tu viện, tịnh xá, tịnh thất trên dưới bốn mươi ngôi. Có thể nói, ai có túc duyên bái kiến y chỉ với ngài không khác gì được yết kiến Thánh Giả.

Ân đức của Ngài cao thâm hơn cả núi cao, biển rộng và không còn gì có thể sánh ví cho bằng được. Tất cả hàng phật tử chúng con sẽ mãi biết ơn, khắc dạ, ghi lòng đại ân này.

Nay Báo duyên đã mãn,

Bảo Đăng con cung kính xin dâng lên Ngài 2 bài thơ thô sơ để bày tỏ chút phần nhỏ nhứt nào trong muôn một, trước đại ơn bao la, cao rộng của Ngài, mà con cùng các hàng tứ chúng, vẫn mãi ghi khắc sâu trong cùng tận đáy lòng.

TÁN DƯƠNG SƯ

Bảo Đăng tam bái tán dương Sư,

HÒA THƯỢNG viên thông Lý Tánh như.

Tịnh Độ hoàng khai tuyên giáo chúng,

Đức tài siêu xuất giới phàm cư.

Kim đương tác hạnh Như Lai sự,

Diễn dịch kinh truyền hậu thế dư.

TRÍ TỊNH thân tăng nhơn hân thức,

Niết Bàn tất định chúng vô dư.

Dầu biết rằng :

Sanh ký, tử quy – có hợp ắt có tan, có tụ ắt có tán, đó là định luật ngàn thu. Ngài ra đi là để xả bỏ giả thân, chứng nhập pháp thân, nhưng chúng con làm sao tránh khỏi sự xúc động nghẹn ngào, khi Ngài đã buông bỏ tất cả, để về với Phật.

Một lần nữa, Bảo Đăng xin đại diện cho tất cả đệ tử, môn đồ pháp quyến, Phật tử xa gần của PHÁP HOA PHẬT TỰ Mật –Tịnh Đạo Tràng - Liên Hoa Thắng Hội tại thành phố Tucson, Arizoan USA, thành kính đưa tiễn Tôn Sư về cõi Phật.

Toàn thể chúng con xin dâng đầu đánh lễ bái biệt Tôn Ông tam bái.

Nam mô VẠN ĐỨC ĐẠI SƯ đường thượng ,
Hòa thượng Tôn Sư :
Thượng TRÍ hạ TỊNH
Trụ thế: 98 năm; Hạ lạp: 69 năm.

Kim quan được tôn trí tại chùa Vạn Đức

Lễ truy điệu được cử hành lúc 08g00 ngày 3-4-2014 (ngày 4-3-Giáp Ngọ), sau đó cung thỉnh kim quan Đại lão Hòa thượng nhập Bảo tháp tại chùa Vạn Đức (Q.Thủ Đức, TP.HCM).

CHÚC HÒA THƯỢNG

&

Bảo Đăng kim nhật chúc thần sư :

HÒA THƯỢNG thâm tu đắc đại từ.

Lục tự thường luân tâm bất biệt,

Đắc thành chánh quả bạt trần cư.

Kim dương sứ giả Như Lai thị,

TRÍ TỊNH hồi quy Phật tánh như.

Chung kiếp tắc hoàn An Dưỡng quốc,

Kim đài thượng phẩm chứng vô dư.

Bảo Đăng xin nguyện chư Phật gia hộ cho hàng ngũ chư Tăng, Ni hậu tấn của Hòa Thượng sau này, cũng sẽ có một bậc chân sư, giống in như Ngài, về hai phương diện Đức, Tài như vậy, nếu được thế, ắt các hàng hậu học chúng con sẽ được may mắn xiết bao.

Bảo Đăng con xin dâng đầu đánh lễ bái biệt Tôn Sư.

Nam mô A-DI-ĐÀ PHẬT.

Ghi chú :

-Chùa PHÁP HOA sẽ có khóa lễ truy tiến giác linh Đại Sư suốt 7 thất, mỗi Chủ Nhật lúc 11 giờ sáng. Mời Huỳnh đệ tham dự để cùng nhau Niệm Phật, tưởng niệm đến Ngài hầu báo đáp được chút phần ân đức. Bắt đầu chủ nhật ngày 6 tháng 04, 2014 lúc 11 giờ sáng.

Btg. Bảo Đăng kính mời.

Ẩm Thực chay kỳ 2 :

#4. Tôm khô sấy chay

3 cups thịt chay khô hoặc ham chay (băm nhỏ)

1 hủ cải bắp thảo (rửa sạch, để ráo)

4 muỗng ăn canh dầu ăn

11/2 muỗng ăn canh muối

2 muỗng ăn canh đường

3 muỗng ăn canh rượu Mai quế lộ (hoặc rượu nấu ăn
cũng được nếu có)

1 muỗng ăn canh pine nuts.

2 muỗng ăn canh bột paprika

11/2 cups nước lèo chay

1 lon nước dừa trong

2 muỗng café bột nấm

2 muỗng ăn canh Agave

Bắc chảo lên bếp, lửa vừa, cho hết vào, trộn đều lên, đun sôi lên thấy hơi cạn nước, bớt lửa xuống một chút, xào lên thường để tránh bị cháy. Khi thấy khô không còn ướt nữa là được, ăn thử giống như tôm khô, để nguội, bỏ vô hộp giữ trong tủ lạnh được lâu, hoặc tủ đá. Dùng để chiên com, xào rau cải, ăn củ sắn cuốn (bò bía), hủ tiếu mì, gỏi, nấu canh..vv....



#5. Bắp Xào với tôm khô chay

2 trái bắp tươi (microwave 3 phút) dùng dao cắt từ trong cùi bắp, từ trên cắt xuống, rồi dùng sống dao cạo hết bắp ra.

2 muỗng ăn canh butter

¼ cup tôm khô sấy chay

1 muỗng café nước tương

1 muỗng café đường or agave

¼ muỗng café muối (nếu muốn)

½ muỗng café ớt khô (nếu muốn)

1 chút tiêu

Bắt chảo lên, lửa nóng cho butter, bắp và tất cả vô xào lên, thấy hơi cháy là được. Almonds lên trên mặt, ăn nóng mới ngon.



#6. Bún măng

1 bịch măng khô 6.oz (ngâm nước ấm vài tiếng, rửa sạch, cho chút muối luộc mềm, khoảng 4, 5 tiếng, măng mềm thì luộc nhẹ hơn)

1 bịch bún cộng lớn (luộc bún thật nhiều nước, nước sôi cho bún vào, sôi thêm chừng 3 phút, tắt lửa...ngâm 5 phút, đem xả nước lạnh thật kỹ, để ráo).

Phần 2 :

3 hộp nước lèo chay to 42.oz (15cups)

5 cups nước

1 cup nấm đông cô tươi, hoặc nấm rơm (hoặc nấm hộp),

2 muỗng café muối

1 muỗng café bột nấm

1 cục đường phèn (bằng ngón cái)

2 muỗng ăn canh dầu Olive (nếu muốn)

Phần 3: -1 cup ham chay (cắt mỏng) -1 cup tàu hũ chiên (cắt mỏng) -1 bịch Konnyaku slice (ca cat mien san) cắt làm 3)

Bắc nồi lớn lên bếp, mở lửa cao, cho nước lèo và tất cả gia vị phần 2 vào, thấy măng mềm, vớt hết măng qua nồi nước lèo, tiếp tục đun sôi, vớt bọt, bớt lửa xuống thấp (low) cho hết phần 3 vào, chờ sôi lên vớt bọt. Tắt lửa, mở nắp...vài tiếng sau, hoặc tối ăn mới ngon. Trình bày giống trong hình.

Bảo Đăng

